

# THỂ CHẾ PHÁT TRIỂN TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI - KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

TS. ĐINH VĂN THỤY

*Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

● **Tóm tắt:** Bài viết làm rõ mục tiêu của kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc và yêu cầu đặt ra đối với thể chế phát triển; đánh giá thực trạng thể chế phát triển ở Việt Nam hiện nay; trên cơ sở đó, đề ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện thể chế phát triển đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

● **Từ khóa:** Kỷ nguyên phát triển mới; Thể chế phát triển; Pháp luật.



Việt Nam chuẩn bị bước vào kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Trong kỷ nguyên mới, kinh tế tăng trưởng cao, văn hóa - xã hội phát triển mọi người dân đều được hưởng ấm no, tự do, hạnh phúc, thực hiện khát vọng phát triển toàn diện bản thân và cống hiến sức mình cho sự nghiệp xây dựng đất nước giàu mạnh, cường thịnh. Để toàn Đảng, toàn dân vững bước tiến vào kỷ nguyên phát triển mới, yêu cầu đặt ra là phải có thể chế phát triển phù hợp với mục tiêu, định hướng và khát vọng vươn mình của dân tộc.

## 1. Kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam và yêu cầu đặt ra đối với thể chế phát triển

Theo Tổng Bí thư Tô Lâm, kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam “là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã

hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu. Mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của thế giới, hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu. Đích đến của kỷ nguyên vươn mình là dân giàu, nước mạnh, xã hội xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu. Ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao; khơi dậy mạnh mẽ hào khí dân tộc, tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Thời điểm bắt đầu kỷ nguyên mới là Đại hội XIV của Đảng,

từ đây, mọi người dân Việt Nam, hàng trăm triệu người như một, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng tâm hiệp lực, chung sức đồng lòng, tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, thách thức, đưa đất nước phát triển toàn diện, mạnh mẽ, bứt phá và cất cánh”<sup>1</sup>.

Như vậy, *mục tiêu trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc* là “dân giàu, nước mạnh, trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, sánh vai với các cường quốc năm châu”. Trong đó, *mục tiêu kinh tế* được xác định là xây dựng một nền kinh tế công nghiệp hiện đại, phát triển nhanh và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tốc độ tăng trưởng kinh tế phấn đấu duy trì ở mức “hai con số” trong nhiều năm liên tục, tức là tối thiểu 10%/năm (hiện nay Việt Nam đặt mức tăng trưởng kinh tế từ 6-7%/năm); *mục tiêu xã hội* được xác định là xây dựng một xã hội phồn vinh, trong đó mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển một cách toàn diện, được tạo điều kiện làm giàu chính đáng để vừa phát triển bản thân và gia đình, vừa đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của thế giới, hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu.

Để đạt các mục tiêu trên thì cần phải có ***thế chế phát triển với những đặc điểm mới*** phù hợp với yêu cầu của kỷ nguyên phát triển mới. Thế chế đó phải tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế từ 10%/năm trở lên, thay vì 6-7%/năm như hiện nay; đồng thời, đảm bảo sự phát triển đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, hướng tới tăng trưởng nhanh, bền vững, và hiện thực hóa các đặc trưng, mục tiêu của kỷ nguyên phát triển mới.

Thế chế là những quy định, luật lệ, quy tắc, chuẩn mực của một cộng đồng xã hội nhất

định, buộc mọi tổ chức, cá nhân phải tuân thủ nhằm hướng tới sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội. Có hai loại thế chế: Thế chế chính thức và thế chế phi chính thức. *Thế chế chính thức* là những quy tắc, luật lệ được ban hành bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; là tổng hợp những quy định, quy phạm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, áp dụng cho các lĩnh vực trong đời sống kinh tế - xã hội nói chung. *Thế chế phi chính thức* là những quy tắc, chuẩn mực được hình thành trong cộng đồng xã hội, được cộng đồng xã hội công nhận, nhưng không được ghi thành văn bản pháp quy. Đây là những quy định, quy tắc, chuẩn mực không được ban hành và thực thi bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền<sup>2</sup>. Bài viết bàn về thế chế chính thức, đó là hệ thống quy phạm, quy định, luật lệ, chuẩn mực của chế độ xã hội do cơ quan có thẩm quyền ban hành buộc mọi tổ chức, cá nhân phải tuân thủ nhằm hướng tới sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

Thế chế là sản phẩm của một chế độ xã hội, thể hiện bản chất và chức năng của hệ thống chính trị trong chế độ xã hội đó. Thế chế của mỗi quốc gia, dân tộc có vai trò định hướng sự phát triển của quốc gia, dân tộc đó theo mục tiêu của giai cấp lãnh đạo quốc gia đó.

Căn cứ theo các *lĩnh vực của đời sống xã hội*, có thể phân chia thế chế theo từng lĩnh vực như: Thế chế kinh tế, thế chế chính trị, thế chế văn hóa, thế chế giáo dục, thế chế khoa học và công nghệ, thế chế xã hội... Căn cứ theo *không gian* có thể phân chia thành thế chế chung cho quốc gia, thế chế vùng, thế chế miền, thế chế đặc thù cho khu vực đặc thù... Tất cả các loại thế chế theo lĩnh vực, vùng, miền hay khu vực đều thống nhất với nhau về mục tiêu, đó là nhằm đảm bảo

sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, do đó chúng liên quan mật thiết với nhau, tạo thành thể chế phát triển của một đất nước, quốc gia, dân tộc.

Thể chế phát triển ở Việt Nam hiện nay là tổng hợp hệ thống quy phạm, quy định, luật lệ, chuẩn mực do cơ quan có thẩm quyền ban hành nhằm đảm bảo sự ổn định và phát triển nhanh, bền vững đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Để đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên vươn mình, thể chế phát triển ở Việt Nam cần có những đặc điểm sau:

*Một là, tính đồng bộ, thống nhất, nhất quán:* Thể chế phát triển ở Việt Nam được hiểu là hệ thống các quy định, quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo sự ổn định và phát triển phải nhất quán, thống nhất, đồng bộ với chủ trương, đường lối phát triển của Đảng trong kỷ nguyên mới. Do đó, cần kiên quyết khắc phục tình trạng mâu thuẫn, chòng chéo giữa hệ thống quy phạm pháp luật với chủ trương, đường lối phát triển đất nước của Đảng, cũng như mâu thuẫn giữa các quy định, quy phạm cụ thể trong hệ thống pháp luật.

*Hai là, tính linh hoạt:* Trước và trong kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam sẽ có nhiều thay đổi nhanh chóng. Do đó, thể chế phát triển phải mang tính linh hoạt để dễ dàng điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi nhằm phù hợp với sự thay đổi của thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội.

*Ba là, tính hiệu quả:* Thể chế phát triển phải đem lại hiệu quả thiết thực trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Tính hiệu quả thể hiện ở những điểm sau: 1) Kiến tạo môi trường, cơ chế thuận lợi để khơi dậy khát vọng vươn lên của mỗi người dân, cộng đồng, và doanh nghiệp; 2) Quản lý và khơi dậy mọi nguồn lực xã hội, mọi tiềm

năng, lợi thế để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển, qua đó thúc đẩy kinh tế tăng trưởng ở mức “hai con số”; 3) Hạn chế, khắc phục những khuyết tật, lực cản, nhân tố chống phá quá trình phát triển trong kỷ nguyên mới.

## **2. Thực trạng thể chế phát triển ở Việt Nam hiện nay và giải pháp hoàn thiện thể chế phát triển đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên vươn mình của dân tộc**

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của thể chế đối với sự phát triển của đất nước, trong những năm qua, Đảng ta đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế phát triển đất nước và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng: “Hệ thống pháp luật đã được hoàn thiện một bước cơ bản; vai trò của pháp luật và việc thực thi pháp luật được chú trọng trong tổ chức, hoạt động của Nhà nước và xã hội”<sup>3</sup>; hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách tiếp tục được hoàn thiện phù hợp với yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế<sup>4</sup>. Trong các kỳ đại hội Đảng gần đây, vấn đề hoàn thiện thể chế phát triển được Đảng coi là một trong những đột phá chiến lược, nhờ đó thể chế phát triển ở Việt Nam ngày càng hoàn thiện, kinh tế - xã hội đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, thể chế phát triển ở Việt Nam cũng còn nhiều hạn chế, đặc biệt là thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều này đã được Đảng chỉ rõ tại Đại hội XII và XIII: “Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chậm được hoàn thiện, chưa có cơ chế đột phá để thúc đẩy phát triển”<sup>5</sup>; “Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều vướng mắc, bất cập”<sup>6</sup>.

Trong các lĩnh vực cụ thể, việc xây dựng và hoàn thiện thể chế phát triển cũng còn

nhiều hạn chế: "...thể chế quản lý xã hội còn nhiều hạn chế; tình trạng gia tăng tội phạm, tệ nạn, tiêu cực, mâu thuẫn, xung đột xã hội... ở một số nơi chậm được khắc phục, gây bức xúc trong dư luận nhân dân [...] Chính sách tiền lương, thu nhập, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phúc lợi xã hội có mặt còn hạn chế; thụ hưởng của người dân từ thành tựu phát triển của đất nước chưa hài hòa"<sup>7</sup>; "Việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ còn hạn chế, thiếu thể chế về tài chính, chuyển giao, ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ cao"<sup>8</sup>.

Không chỉ thể chế phát triển theo lĩnh vực còn hạn chế, mà thể chế phát triển vùng cũng tồn tại nhiều bất cập: "Thể chế phát triển, điều phối kinh tế vùng chưa được quan tâm và chậm được cụ thể hóa bằng pháp luật nên liên kết vùng còn lỏng lẻo"<sup>9</sup>. Chính vì thế, "Môi trường đầu tư, kinh doanh chưa thực sự thông thoáng, minh bạch. Chưa tạo được đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển"<sup>10</sup>; "chưa tạo được môi trường thuận lợi để phát huy sức sáng tạo, thu hút nhân tài"<sup>11</sup>.

Biểu hiện của những hạn chế về thể chế phát triển là: "Hệ thống pháp luật còn một số quy định chưa thống nhất, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn. Chấp hành pháp luật nhìn chung chưa nghiêm; kỷ cương phép nước có nơi, có lúc còn bị xem nhẹ, xử lý vi phạm pháp luật chưa kịp thời, chế tài xử lý chưa đủ sức răn đe. Cải cách hành chính, cải cách tư pháp chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển đất nước"<sup>12</sup>; "Một số chủ trương, định hướng của Đảng chưa được thể chế hóa kịp thời, đầy đủ. Tư duy xây dựng pháp luật trong một số lĩnh vực còn thiên về

quản lý. Chất lượng pháp luật chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn"<sup>13</sup>. Nguyên nhân chủ quan của những hạn chế trên là do "Năng lực xây dựng thể chế còn hạn chế"<sup>14</sup>.

Khi đánh giá về thể chế phát triển ở nước ta, Tổng Bí thư Tô Lâm đã thẳng thắn chỉ ra, hạn chế của thể chế chính là "điểm nghẽn" của "điểm nghẽn" trong phát triển đất nước hiện nay<sup>15</sup>. Trên thực tế, những hạn chế của thể chế phát triển ở Việt Nam hiện nay đang cản trở quá trình vươn mình, cất cánh của đất nước, do đó, việc hoàn thiện thể chế phát triển là nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo mục tiêu của kỷ nguyên phát triển mới mà Tổng Bí thư Tô Lâm đã chỉ ra; đồng thời, là vấn đề thời sự có tính cấp bách. Để hoàn thiện thể chế phát triển ở Việt Nam cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

*Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm hoàn thiện thể chế phát triển đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên phát triển mới.*

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật để thể chế hóa kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, đảm bảo sự thống nhất giữa chủ trương, đường lối của Đảng với các quy định của pháp luật. Trong đó, cần kịp thời thể chế hóa các chủ trương, đường lối đang tạo tiền đề thúc đẩy sự phát triển trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc như: Chủ trương tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị nhằm hình thành bộ máy tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả; chủ trương bỏ cấp huyện và sáp nhập các đơn vị hành chính để tạo động lực, không gian phát triển mới; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22-12-2024 của Bộ Chính trị về đột phá

phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số quốc gia; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4-5-2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân... Đồng thời, khẩn trương rà soát các quy định, quy phạm pháp luật, các nội dung chính sách còn mâu thuẫn, chồng chéo, các chính sách liên quan đến ổn định và phát triển kinh tế - xã hội để kịp thời chỉnh sửa nhằm đảm bảo sự đồng bộ và thống nhất trong hệ thống chính sách, pháp luật ở tất cả các lĩnh vực, vùng, miền, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong kỷ nguyên phát triển mới.

*Hai là, tiếp tục đổi mới phương thức, nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội nhằm xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững, đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên phát triển mới.*

Quốc hội là cơ quan thực hiện quyền lập hiến, lập pháp, đồng thời thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Do đó, cần phát huy vai trò, chức năng của Quốc hội trong xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước. Trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, Quốc hội cần đảm bảo các quy định liên quan đến ổn định, phát triển lĩnh vực, vùng, miền không chỉ đồng bộ với nhau mà còn phải hướng tới mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh; qua đó, nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở mức “hai con số” và bền vững.

Ngoài ra, cần phát huy vai trò của Quốc hội trong giám sát việc thực thi luật và nghị quyết của Quốc hội thông qua các hình thức như: Đổi mới phương thức thảo luận, cho ý kiến về các dự án luật, nghị quyết liên quan đến ổn

định, phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng, hiệu quả tại các phiên thảo luận; tăng cường hoạt động giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội, các đoàn đại biểu Quốc hội; kịp thời đề xuất các cơ quan liên quan khẩn trương sửa đổi, bổ sung những quy phạm liên quan đến ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật phải quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30-4-2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, đó là: “Xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, “đứng trên mảnh đất thực tiễn của Việt Nam”, tiếp thu có chọn lọc giá trị tinh hoa của nhân loại, bảo đảm tính hệ thống, nắm bắt mọi cơ hội, mở đường, khơi thông mọi nguồn lực, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho phát triển, tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “hai con số”, nâng cao đời sống của Nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước”<sup>16</sup>.

*Ba là, nâng cao năng lực xây dựng các văn bản dưới luật của Chính phủ và các cơ quan ngang bộ nhằm hướng dẫn thi hành, quy định chi tiết các luật, nghị quyết do Quốc hội ban hành một cách kịp thời, thống nhất, đảm bảo đồng bộ thể chế phát triển đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên phát triển mới.*

Thực tế cho thấy, tình trạng luật đã ban hành nhưng phải chờ nghị định hướng dẫn của Chính phủ và thông tư hướng dẫn của các cơ quan ngang bộ vẫn chưa được khắc

phục triệt để. Điều này đòi hỏi Chính phủ và các cơ quan ngang bộ cần tích cực hơn trong việc ban hành nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành các điều khoản trong luật nói chung, luật liên quan đến ổn định và phát triển kinh tế - xã hội theo mục tiêu của kỷ nguyên phát triển mới nói riêng. Mặt khác, cần điều chỉnh quy trình ban hành theo hướng khi trình dự án luật thì đồng thời phải trình kèm dự thảo nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành. Có như vậy mới đảm bảo việc áp dụng và thi hành luật được thực hiện một cách kịp thời, góp phần khắc phục tình trạng thiếu sự thống nhất giữa luật và văn bản dưới luật; đồng thời, kịp thời triển khai hiệu quả các quy định của thể chế phát triển nói chung, thể chế phát triển các lĩnh vực, vùng, miền, khu vực trong thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên phát triển mới.

*Bốn là, bố trí đầy đủ các nguồn lực nhằm bảo đảm việc tổ chức thực thi thể chế phát triển được tiến hành kịp thời, đồng bộ, qua đó thúc đẩy đất nước phát triển nhanh và bền vững, đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên phát triển mới.*

Hệ thống chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chỉ có ý nghĩa thực sự khi được triển khai thực hiện và phát huy giá trị trong thực tiễn. Do đó, thể chế phát triển chỉ phát huy giá trị khi được tổ chức thực hiện một cách kịp thời, hiệu quả trong thực tiễn, góp phần đảm bảo ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, mang lại lợi ích thiết thực cho Nhân dân và dân tộc Việt Nam. Chính vì vậy, việc bố trí đầy đủ nguồn lực thực hiện (nguồn lực con người, nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất...) có ý nghĩa hết sức quan trọng, là điều kiện, tiền đề để thể chế

phát triển phát huy hiệu quả trong thực tiễn.

Việc tổ chức thực hiện thể chế phát triển không phải là trách nhiệm của riêng Đảng và Nhà nước, mà còn là trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân, cộng đồng, doanh nghiệp trong xã hội. Do đó, trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện thể chế phát triển cần huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực xã hội nhằm tạo sức mạnh tổng hợp cho sự phát triển của đất nước. Đồng thời, cần thiết lập và thực thi các chế tài nghiêm minh đối với những tổ chức, cá nhân có hành vi cản trở, chống phá quá trình xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện thể chế phát triển trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam.

Việc chuẩn bị nguồn lực thực thi thể chế phát triển phải đảm bảo sự đồng bộ, hài hòa trong quá trình tổ chức thực hiện các thể chế phát triển các lĩnh vực, vùng, miền, khu vực, qua đó tạo ra hiệu quả cộng hưởng, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững.

*Tóm lại,* thực trạng thể chế phát triển ở Việt Nam hiện nay vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình, kỷ nguyên giàu mạnh, phồn vinh, hạnh phúc của dân tộc Việt Nam. Vì vậy, việc hoàn thiện thể chế phát triển đã và đang là vấn đề thời sự cấp bách. Để đáp ứng yêu cầu đó, cần triển khai đồng bộ các giải pháp căn cơ như: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật; nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan ngang bộ trong việc xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển; đồng thời, chuẩn bị đầy đủ các nguồn lực nhằm đảm bảo việc tổ chức thực thi thể chế phát triển đáp ứng yêu cầu, mục tiêu của kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam ■

- <sup>1</sup> GS, TS. Tô Lâm, *Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*, <https://www.tapchiconsan.org.vn>, ngày 1-11-2024.
- <sup>2</sup> Xem: *Thế chế là gì? Thế chế khác với thiết chế?*, <https://luatvietnam.vn>, ngày 24-11-2023.
- <sup>3</sup> Ban Chấp hành Trung ương, *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9-11-2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*.
- <sup>4</sup> Xem: Nguyễn Trọng Nghĩa, *Thành tựu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam qua hơn 35 năm đổi mới*, <https://www.tapchiconsan.org.vn>, ngày 2-3-2023.
- <sup>5</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.60.
- <sup>6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 14</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.80, 85-86, 83, 80, 80, 83, 89-90, 80.
- <sup>13, 16</sup> Ban Chấp hành Trung ương, *Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30-4-2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*.
- <sup>15</sup> Xem: Thành An, *"Điểm nghẽn" của "điểm nghẽn" do ai?*, <https://www.qdnd.vn>, ngày 3-11-2024.



## GIỚI THIỆU SÁCH

# CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỚI CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG TRONG THỜI KỲ PHÁT TRIỂN MỚI CỦA ĐẤT NƯỚC (Xuất bản lần thứ hai, có chỉnh sửa)

**TÁC GIẢ: PGS, TS. ĐÀO DUY QUÁT**

**Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật**

**Năm xuất bản: 2025**

**Số trang: 369**

Cuốn sách *Công tác tư tưởng và những vấn đề đặt ra với công tác tư tưởng trong thời kỳ phát triển mới của đất nước* được biên soạn trong bối cảnh toàn cầu hóa, bùng nổ khoa học - công nghệ và sự chuyển động mạnh mẽ của đời sống chính trị - xã hội trong nước cũng như thế giới. Nội dung cuốn sách đặt ra luận điểm công tác tư tưởng là bộ phận trọng yếu trong toàn bộ hoạt động cách mạng của Đảng, là điều kiện đảm bảo sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức của Đảng; đồng thời, là sức mạnh tinh thần quyết định để tập hợp, định hướng và phát huy sức mạnh của toàn xã hội.

Với quan niệm đó, cuốn sách đã phân tích một cách hệ thống ba bộ phận cấu thành của công tác tư tưởng gồm: 1) Công tác lý luận - gắn với nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên cơ sở tổng kết thực tiễn để hình thành cương lĩnh, đường lối, chính sách; 2) Công tác tuyên truyền - nhằm truyền bá hệ tư tưởng, cương lĩnh, đường lối, giáo dục niềm tin và lý tưởng cho cán bộ, đảng viên, đồng thời tạo sự đồng thuận rộng rãi trong Nhân dân; 3) Công tác cổ động - tác động trực tiếp vào tình cảm, ý chí, tạo cảm hứng và động lực hành động trước các sự kiện chính trị - xã hội lớn. Trên cơ sở đó, đề xuất một số nhóm giải pháp đồng bộ để nâng cao hiệu quả của công tác này trong thời kỳ phát triển mới của đất nước ■

**THẠCH NGỌC** giới thiệu